

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT, TP HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 3 - 2021

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Kiều Duy Chinh.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Học.

Bà Đỗ Thị Hòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 302/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị L, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 14, xã SP, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Vật Cách, xã ĐC, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 14, xã SP, huyện PT, Thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Lưu Thị L trình bày như sau: Chị kết hôn với anh Nguyễn Tiến Q trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ (Nay là xã SP), huyện PT, Thành phố Hà Nội vào ngày 18/3/2010. Sau khi cưới, chị về sống chung cùng anh Q và gia đình tại thôn 14, xã SP, huyện PT, Thành phố Hà Nội được 07 ngày sau đó chị xuống thuê nhà ở Hà Nội để thuận tiện cho việc làm ăn của chị. Cuối tuần, chị lại về ở cùng anh Q và gia đình anh. Từ tháng 01 năm 2017, chị không thuê nhà sống ở Hà Nội nữa mà về ở hẳn cùng gia đình anh Q. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, bình thường không xảy ra chuyện gì. Sau khi chị sinh cháu Nguyễn Hải Ch thì

vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh Q bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến tháng 9 năm 2020 vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, lý do là do anh Q thường xuyên đi làm về muộn, không có thời gian chăm lo cho các con, nhiều lần anh Q đi chơi cùng bạn bè qua đêm không về nhà. Khi anh Q về nhà, chị có hỏi thì anh Q chửi, xưng hô “Mày”, “Tao” với chị. Từ đó cuộc sống của vợ chồng chị luôn căng thẳng, xảy ra cãi cọ nhau. Ngày 25/9/2020, chị đã xin phép bố mẹ chồng cho các con sang nhà bố, mẹ để chị ở một thời gian để chị đi tìm việc vì thời gian này chị đã nghỉ làm ở Phòng khám nha khoa Tâm An, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội. Bố, mẹ chồng chị không đồng ý cho các con chị đi cùng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2020. Anh Q có một lần sang nhà bố, mẹ để chị động viên chị về nhưng chị nói với anh Q không quay về nhà nữa. Chị nhận thấy vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên chị làm đơn xin ly hôn anh Nguyễn Tiến Q. Về con chung: Vợ chồng chị 03 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 14/4/2011; cháu Nguyễn Hải Ch, sinh ngày 10/11/2015 và cháu Nguyễn Văn L1, sinh ngày 21/4/2019. Sau khi ly hôn chị xin được nuôi 03 con, nếu không được chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức và nợ: Không có.

- Bị đơn là anh Nguyễn Tiến Q trình bày như sau: Anh kết hôn với chị Lưu Thị L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PD (Nay là xã SP), huyện PT, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng anh sống với nhau hòa hợp, bình thường, đến tháng 9 năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L nói đi làm nhưng anh đi qua phòng khám răng Tâm An ở ngã tư Công Ô, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội nơi chị làm việc thì không thấy xe máy của chị L ở đó. Anh có gọi điện hỏi thì chị L nói xe máy của chị để ở bên trong. Sau đó, anh có quay trở lại phòng khám để hỏi lại một lần nữa thì được biết chị L xin nghỉ và báo lại với phòng khám là do gia đình có công việc bận. Sau đó anh có gọi điện thì chị L nói đi có việc sau đó tắt điện thoại, sau 04 giờ mới mở máy. Khoảng 03 - 04 ngày sau anh có hỏi lại việc chị L tắt máy điện thoại đi đâu. Chị L nói đi sang bà ngoại để vay tiền đóng học cho con. Theo anh thì chị L không giải thích được sự việc chị tắt máy điện thoại và đi đâu. Giữa anh và chị L có xảy ra việc tranh luận và cãi nhau. Từ ngày 25/9/2020 chị L đã tự ý bỏ về nhà bố, mẹ để sống. Anh có đến nhà bố, mẹ để chị L gọi về nhưng chị L kiên quyết không về. Anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, hơn nữa các con của vợ chồng còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị L kiên quyết ly hôn thì đó là việc của chị L. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh thì anh đều nhận được. Nhưng do anh làm nghề lái Taxi nên thường phải đi sớm về muộn, hơn nữa công việc của anh rất bận nên anh không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn được. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 14/4/2011; cháu Nguyễn Hải Ch, sinh ngày 10/11/2015 và cháu Nguyễn Văn L1, sinh ngày 21/4/2019. Nếu chị L kiên quyết ly hôn, anh xin nuôi cả 03 con và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

- Tại phiên tòa, chị Lưu Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến

trước khi nghị án như sau: Việc Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật, việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lưu Thị L và xử cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Q. Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 14/4/2011 và cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 21/4/2019 cho chị Lưu Thị L nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Hải Ch, sinh ngày 10/11/2015 cho anh Nguyễn Tiến Q nuôi dưỡng cho đến khi đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ: Không có, nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc chị Lưu Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lưu Thị L có đơn xin ly hôn và giải quyết con chung với anh Nguyễn Tiến Q có địa chỉ cư trú tại thôn 14, xã SP, huyện PT, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con nên thụ lý vụ án, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần bị đơn là anh Nguyễn Tiến Q đến để giải quyết vụ án nhưng anh không đến. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị L và anh Nguyễn Tiến Q kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ (Nay là xã SP), huyện PT, Thành phố Hà Nội ngày 18/3/2010. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị L, anh Q sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9 năm 2020 xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Theo chị L thì nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q thường xuyên đi làm về muộn, không có thời gian chăm lo cho vợ và các con; vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Theo anh Q thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống thì chị L không trung thực, chị nói đi làm nhưng anh đến chỗ chị làm thì không thấy. Chị L tự ý tắt điện thoại nhưng không giải thích được lý do, cho nên vợ chồng có xảy ra to tiếng với nhau. Như vậy giữa chị L và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn, không hàn gắn được. Hơn nữa thực tế chị L đã về sống tại nhà bố, mẹ đẻ ở. Anh Q và các con sinh sống tại thôn 14, xã SP, huyện PT, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay. Xác định cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L xin ly hôn với anh Q. Vì vậy cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 14/4/2011; cháu Nguyễn Hải Ch, sinh ngày 10/11/2015 và cháu Nguyễn Văn L1, sinh ngày 21/4/2019. Hiện nay các cháu đang sống cùng anh Q. Khi ly hôn thì cả chị L, anh Q đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Việc chị L, anh Q đều có nguyện vọng nuôi con là thể hiện tình cảm yêu thương của cha mẹ đối với con cái. Hiện tại chị L, anh Q đều có công việc nhất định, có thu nhập để nuôi con. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì cần phải xem xét đến nhiều điều kiện cũng như nguyện vọng của con. Cháu Nguyễn Quỳnh A hiện nay đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Còn cháu Nguyễn Văn L1 sinh ngày 21/4/2019, chưa đủ 36 tháng tuổi. Hiện tại chị L đang làm việc tại Sân golf Đầm Vạc, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc với mức thu nhập trung bình từ 6.900.000 đồng - 7.000.000 đồng/tháng. Kể từ khi ly hôn thì chị L về sống cùng với bố, mẹ đẻ chị ở xã ĐC, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc, cuộc sống rất tốt. Bố, mẹ chị L tạo điều kiện về mọi mặt cho chị cũng như nơi ăn, chỗ ở. Nếu chị L được nuôi con thì gia đình chị mong được đón các cháu về ở cùng nhà. Những lúc chị L đi làm thì bố, mẹ chị sẽ thay chị chăm sóc và đưa đón các cháu đi học. Do vậy nên giao cháu Nguyễn Quỳnh A và cháu Nguyễn Văn L1 cho chị L nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hải Ch cho anh Nguyễn Tiến Q nuôi dưỡng là phù hợp. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4]. Về tài sản chung, công sức và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Lưu Thị L chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 55, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị L. Chị Lưu Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Q.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 14/4/2011 và Nguyễn Văn L1, sinh ngày 21/4/2019 cho chị Lưu Thị L nuôi dưỡng cho đến khi cháu A, cháu L1 đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Giao cháu Nguyễn Hải Ch, sinh ngày 10/11/2015 cho anh Nguyễn Tiến Q nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chị L, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Lưu Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003369 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Chị Lưu Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Tiến Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- THADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã SP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kiều Duy Chính

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

